TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH TƯỜNG** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ - ST
Ngày 15 tháng 02 năm 2022
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Thị Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phùng Văn Thông, bà Vũ Thị Thanh Hương

- Thư ký phiên toà*:* Ông Lê Xuân Chín - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Đạo - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 182A/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2020, về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T, sinh năm 1988; địa chỉ: Xã Đ, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị T: Bà Phạm Bích T- Luật sư Công ty Luật TNHH MTV T; địa chỉ: Đường N, xã Đ, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, (có mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn 7, xã Đ, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của anh D (về phần tài sản, công nợ, đất canh tác):

+ Bà Vũ Thị H, sinh năm 1974; địa chỉ: Tổ 8, khu 2, phường V, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, (vắng mặt).

+ Bà Nguyễn Thị Thu N, sinh năm 1996; địa chỉ: Tổ 38, khu 5, phường V, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, (vắng mặt).

+ Ông Lê Đức P, sinh năm 1997; địa chỉ: Phường G, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Bùi Văn H, sinh năm 1975; địa chỉ: Khu 1, xã Đ, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt).

+ Bà Lê Thị T, sinh năm 1975; địa chỉ: Khu 3, xã Đ, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt).

+ Bà Chu Thị C, sinh năm 1952; địa chỉ: Khu 7, phường N, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, (vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1947; địa chỉ: Thôn 7, xã Đ, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt).

+ Ông Bùi Văn C, sinh năm 1969; địa chỉ: Khu 2, xã Đ, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Bùi Thị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Toà án, chị T trình bày:

- Về tình cảm: Chị kết hôn với anh D ngày 06/02/2012 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Hai vợ chồng cùng nhau kinh doanh xưởng gỗ từ năm 2012. Đến đầu năm 2016 thì hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Đến năm 2019 anh chị mới sinh con, nhưng sau khi sinh con cuộc sống vợ chồng ngày càng bất đồng, mâu thuẫn về mọi mặt. Mặc dù chị đã nhiều lần khuyên giải để đảm bảo hạnh phúc gia đình nhưng vẫn không níu kéo được. Anh chị sống ly thân từ cuối năm 2019 đến nay không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã ở mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị xin ly hôn anh D. Hiện nay chị không có thai.

- Về con chung: Chị và anh D có một con chung: Cháu Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 24/7/2019. Hiện cháu Đ đang ở với chị T. Ly hôn chị xin được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Đ và đề nghị anh D cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/1 tháng kể từ ngày 01/11/2021 đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Chị và anh D có các tài sản chung sau: 01 thửa đất nông nghiệp có diện tích 360m^2 ở địa chỉ: Cánh đồng C, xã N, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc; 01 thửa đất nông nghiệp có diện tích 360m^2 ở địa chỉ: Cánh đồng C, xã N, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc; Gỗ trong xưởng: Trị giá 500.000.000đ tại thời điểm chị khởi kiện; 01 xe ô tô Kia Gentra 04 chỗ ngồi, dòng xe 02 đầu, trị giá hiện tại 100.000.000đ, mua năm 2016; 01 máy cắt liên hoàn trị giá khoảng 20.000.000đ, mua năm 2017. Chị đề nghị chia đôi tài sản chung và xin nhận bằng hiện vật đất. Còn những tài sản khác nhất trí để anh D sử dụng nhưng anh D phải thanh toán chênh lệch cho chị T bằng tiền.

- Về công nợ: Chị và anh D có nợ tiền của những người sau: Nợ ông Bùi Văn H 1,5 cây vàng 999.9 (khoảng 70.000.000đ); nợ chị Lê Thị T:

150.000.000đ ở khu 5, xã Đ, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc; nợ bà Chu Thị C (tên thường gọi là A) số tiền 100.000.000đ ở D, Việt Trì. Tổng số tiền nợ chung anh chị phải trả là 320.000.000. Chị đề nghị chia đôi nợ chung, phần nợ chị phải trả là 160.000.000đ.

- Về công sức: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 27/12/2021 chị T có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về tài sản chung, công nợ chung và đất canh tác.

Bị đơn anh Nguyễn Văn D vắng mặt tại phiên tòa, nhưng quá trình giải quyết vụ án trước đó anh D đã trình bày:

- Về tình cảm: Anh thừa nhận chị T trình bày về điều kiện kết hôn, quá trình chung sống của vợ chồng là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Đến năm 2019 chị T sinh con, nhưng sau khi sinh con cuộc sống vợ chồng ngày càng bất đồng, mâu thuẫn về mọi mặt. Mặc dù cả hai đã nhiều lần cùng nhau ngồi lại để hàn gắn nhưng vẫn không níu kéo được. Anh chị sống ly thân từ cuối năm 2019 đến nay không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị T có đơn xin ly hôn anh nhất trí ly hôn.

- Về con chung: Anh và chị T có một con chung: Cháu Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 24/7/2019. Hiện cháu Đ đang ở với chị T. Ly hôn anh D nhất trí để chị T nuôi cháu Đ và anh D cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/1 tháng kể từ ngày 01/11/2021 đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, đất canh tác: Anh và chị T có các tài sản chung sau: 01 máy cắt liên hoàn trị giá 20.000.000đ; 01 xe ô tô Kia Gentra 04 chỗ ngồi: Mua năm 2016 nay trị giá còn khoảng 100.000.000đ; 01 thửa đất nông nghiệp ở cánh đồng C, xã N. Hiện thửa đất này chưa được cấp GCNQSDĐ; 01 thửa đất ở cánh đồng C, xã N. Hiện thửa đất này chưa được cấp GCNQSDĐ. Ly hôn anh D nhất trí chia đôi các tài sản chung như trên. Anh D xin được sử dụng các tài sản và thanh toán chênh lệch bằng tiền cho chị T.

- Về công nợ: Anh và chị T có nợ tiền của những người sau: Nợ ông Bùi Văn H 1,5 cây vàng 999.9 (khoảng 70.000.000đ). Nợ chị Lê Thị T: 150.000.000đ ở khu 5, xã Đ, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc. Nợ bà Chu Thị C (tên thường gọi là A) số tiền 100.000.000đ ở D, Việt Trì.

- Về công sức lao động: Chị T tự nguyện không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết, anh cũng nhất trí và không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Chu Thị C vắng mặt nhưng trước đó đã trình bày: Khoảng năm 2017 chị T có hỏi vay bà số tiền 100.000.000đ, hai bên không viết giấy vay nợ, thỏa thuận lãi 0,8%/1 tháng. Quá trình vay anh D, chị T trả lãi cho bà đến hết tháng 12/2020 (âm lịch). Nay anh D, chị T ly hôn bà yêu cầu anh D, chị T trả nợ cho bà. Bà không có yêu cầu độc lập trong vụ án, nếu sau khi vụ án giải quyết xong, anh D, chị T không

trả được nợ cho bà thì bà sẽ yêu cầu giải quyết bằng một vụ án khác. Bà đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị T vắng mặt nhưng trước đó đã trình bày: Ngày 13/8/2018, chị T có đến nhà bà vay số tiền 150.000.000đ có viết giấy nhận nợ, lãi xuất thỏa thuận theo quy định của ngân hàng, mỗi tháng trả 1.500.000đ. Anh D là người trả lãi hàng tháng. Anh D trả lãi đến ngày 13/8/2020 thì không trả lãi nữa. Nay anh D, chị T ly hôn bà T yêu cầu anh D, chị T trả nợ cho bà. Bà không có yêu cầu độc lập trong vụ án. Nếu sau khi vụ án được giải quyết xong mà anh D, chị T không trả được nợ cho bà thì bà sẽ khởi kiện bằng vụ án dân sự khác. Bà đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn H vắng mặt nhưng trước đó đã trình bày: Tháng 9/2017, ông có cho anh D, chị T vay 1,5 cây vàng SJC, loại vàng miếng, thỏa thuận lãi suất theo quy định của ngân hàng. Anh D, chị T trả lãi cho ông theo năm, đã trả đến hết năm 2019, còn năm 2020 thì chưa trả vì chưa hết năm. Lãi suất mỗi năm là 6.000.000đ. Nay chị T và anh D ly hôn ông không có yêu cầu độc lập trong vụ án, nếu sau này chị T không trả được nợ thì ông sẽ khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác. Ông đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L vắng mặt nhưng trước đó đã trình bày: Ông là bố đẻ anh Nguyễn Văn D. Ngày 20/10/2017, tại gia đình ông L, bà B ở thôn S, xã N, ông L, bà B và anh T (con trai ông L, bà B) thống nhất chuyển nhượng cho anh D QSDĐ diện tích 360m^2 đất ruộng ở cánh đồng C, xã N. Giá chuyển nhượng là 425.000.000đ, việc chuyển nhượng có lập hợp đồng chuyển nhượng đất, các bên có ký vào hợp đồng chuyển nhượng nhưng không công chứng chứng thực. Chữ ký anh D trong hợp đồng chuyển nhượng đúng là chữ ký của anh D, anh D chị T là người trả tiền. Còn đối với hợp đồng chuyển nhượng đề ngày 21/01/2020 được lập tại gia đình ông L, bà B, ông L thấy anh D cùng ông L, bà B thống nhất lấy tên người được chuyển nhượng là ông L, diện tích đất chuyển nhượng là 360m^2, giá tiền chuyển nhượng là 425.000.000đ ở địa chỉ cánh đồng C, xã N, huyện Vĩnh Tường. Tuy nhiên ông L khẳng định hợp đồng lập ngày 21/01/2020 là do anh D lập, ông L không nắm được gì.

Đối với thửa đất mà ông H, bà P chuyển nhượng, người được chuyển nhượng đứng tên ông Nguyễn Văn L, diện tích 360m^2 ở cánh đồng C, xã N với số tiền là 425.000.000đ, ông L cho biết số tiền đó là của anh D, chị T, ông L chỉ là người đứng tên người nhận chuyển nhượng theo Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ ngày 21/01/2021 và ông L không liên quan gì đến hai thửa đất trên.

Đối với diện tích đất ở cánh đồng C mà hiện nay đang là xưởng gỗ, là đất của ông L, không phải là đất của anh D, chị T. Năm 2020, ông có đồng ý để anh D đứng ra một phần diện tích đất của ông cho anh C. Nay chị T, anh D xin ly hôn, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ông không có yêu cầu độc lập trong vụ án. Ông đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn C: Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông C không đến Tòa án làm việc. Do vậy Tòa án chưa lấy được lời khai của ông C.

Ngày 27/12/2021 chị T có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về tài sản chung, công nợ và đất canh tác. Tòa án đã gửi Thông báo hợp lệ nhiều lần yêu cầu anh D và người đại diện theo ủy quyền của anh D trình bày ý kiến đồng ý hay không đồng ý về việc nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện. Tuy nhiên anh D không có ý kiến phản hồi gì. Ngày 14/01/2022, Tòa án có nhận được ý kiến phản hồi của người đại diện theo ủy quyền (về phần tài sản, công nợ, đất canh tác) của anh D là bà Vũ Thị H, Nguyễn Thị Thu N, Lê Đức P, theo đó bà H, bà N và anh P đồng ý việc chị T rút một phần yêu cầu khởi kiện (đây là ý kiến của anh D trao đổi lại với bà H, bà N và anh P).

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị T trình bày quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích cho chị T: Về tình cảm vợ chồng, do các bên đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin được ly hôn. Vì vậy đề nghị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường xem xét chấp nhận cho các bên được ly hôn. Về con chung: Chị T anh D có 01 con chung là cháu: Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 24/7/2019. Hiện cháu Đ đang ở với chị T. Chị T có đủ khả năng để chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đ và anh D cũng nhất trí để chị T chăm sóc nuôi dưỡng cháu Đ, anh D cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/1 tháng kể từ ngày 01/11/2021 đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi. Đề nghị Tòa án giải quyết giao con chung là cháu Đ cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, đất canh tác, công sức do chị T, anh D đã thỏa thuận được với nhau, chị T đã có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về tài sản chung, công nợ chung, đất canh tác nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của các đương sự, đồng thời phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 31/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn D; về con chung: Giao cho chị Bùi Thị T tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 24/7/2019. Anh D cấp dưỡng nuôi con chung

2.000.000đ/1 tháng kể từ ngày 01/11/2021 đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi và được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về tài sản, công nợ, đất canh tác: Chị T đã rút một phần yêu cầu khởi kiện phân chia tài sản chung, công nợ, đất canh tác, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Người đại diện theo ủy quyền của anh D nhất trí việc chị T rút một phần yêu cầu khởi kiện về phân chia tài sản chung, công nợ, đất canh tác. Vì vậy căn cứ theo khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện phân chia tài sản chung, công nợ chung và đất canh tác của chị Bùi Thị T.

Về công sức lao động: Chị T không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí và chi phí tố tụng:

- Chị Bùi Thị T tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định- định giá tài sản. Xác nhận sự tự nguyện này của chị T.

- Chị Bùi Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh Nguyễn Văn D phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Bùi Thị T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường giải quyết việc ly hôn của chị và anh Nguyễn Văn D. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định đây là "Tranh chấp hôn nhân gia đình". Bị đơn anh D có địa chỉ cư trú tại: Thôn 7, xã Đ, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với chị T quá trình giải quyết vụ án đã có lời khai thể hiện quan điểm của mình và có đơn xin xét xử vắng mặt do tình hình dịch bệnh Covid-19. Anh Nguyễn Văn D và người đại diện theo ủy quyền của anh D là bà N, bà H, ông P mặc dù vắng mặt nhưng trước đó anh D đã có lời khai và cũng có đơn xin xét xử vắng mặt. Mặt khác bà N, bà H, ông P nhất trí việc chị T rút một phần yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường giải quyết việc ly hôn cho chị T và anh D. Sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh D, bà H, bà N, ông P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 2 lần nhưng đều vắng mặt không có lý do, nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh D, bà H, bà N, ông P theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với yêu cầu rút một phần nội dung khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị T đã có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về phân chia tài sản chung, công nợ chung và đất canh tác, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị T cũng đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu rút một phần nội dung khởi kiện của

chị Tuyền. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cũng nhất trí về việc chị T xin rút một phần yêu cầu khởi kiện. Xét thấy yêu cầu của chị T là tự nguyện và phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu giải quyết phân chia tài sản chung, công nợ chung và đất canh tác của vợ chồng.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Văn D kết hôn năm 2010 trên cơ sở tự nguyện. Trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh D là tự nguyện, hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Xem xét hôn nhân giữa chị T và anh D thấy rằng cuộc sống chung vợ chồng giữa chị T và anh D có rất nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân như chị T trình bày do bất đồng quan điểm sống trong sinh hoạt hàng ngày. Đã nhiều lần chị và anh D ngồi lại để vợ chồng cùng bỏ qua cho nhau, nhưng vẫn không níu kéo được. Hiện chị và anh D đang sống ly thân nhau. Về phía anh D cũng thừa nhận anh và chị T mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không còn tiếng nói chung nên chị T xin ly hôn anh hoàn toàn nhất trí. Như vậy, có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh D đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị T xin ly hôn là chính đáng, phù hợp với thực tế và quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình do đó cần được chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị T và anh D có 01 con chung là cháu Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 24/7/2019. Hiện tại cháu Đ đang ở với chị T. Anh D và chị T thống nhất để chị T tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đ. Anh D cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/1 tháng kể từ ngày 01/11/2021 đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi. Do đó cần giao cháu Đ cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Anh D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung, đất canh tác, công sức: Chị T và anh D không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường phù hợp tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5]. Về chi phí tố tụng: Chị Bùi Thị T tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định- định giá tài sản. Xác nhận sự tự nguyện này của chị T.

[6]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị T phải chịu theo quy định pháp luật. Hoàn trả chị T tiền tạm ứng án phí phân chia tài sản đã nộp. Anh D phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 31/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử một phần phần yêu cầu khởi kiện về phân chia tài sản chung, công nợ chung và đất canh tác của chị Bùi Thị T.

2. Về hôn nhân: Chị Bùi Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

3. Về nuôi con chung: Chị Bùi Thị T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 24/7/2019. Hiện tại cháu Đ đang ở với chị T. Anh D cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/1 tháng kể từ ngày 01/11/2021 đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về công sức lao động: Tòa án không giải quyết.

5. Về chi phí tố tụng: Chị Bùi Thị T tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định- định giá tài sản. Xác nhận sự tự nguyện này của chị T.

6. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Bùi Thị T phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0005070 ngày 30/6/2020, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường. Chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Hoàn trả cho chị T số tiền 25.800.000đ (Hai lăm triệu tám trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phân chia tài sản đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0005070 ngày 30/6/2020, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường.

Anh Nguyễn Văn D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Quyền kháng cáo bản án: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Tường.
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Hoàng Thị Quỳnh